

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07/5/2004 về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2001 - 2005;

Căn cứ kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp ngày 17 tháng 3 năm 2004; ý kiến của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh tại Hội nghị bàn các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy ban nhân dân các tỉnh,

thành phố vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan;

- Trong năm 2004, tập trung chỉ đạo quyết liệt, xử lý kịp thời khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền để hoàn thành toàn bộ công tác tôn nền các cụm, tuyến dân cư và đắp bờ bao;

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu (cấp nước thoát nước và đường nội bộ...) và xây dựng nhà ở, bố trí dân vào sống ổn định an toàn theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ đề ra;

- Phấn đấu để hoàn thành Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở trước ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 2. Về nguồn vốn và cơ chế tài chính:

1. Tổng mức vốn đầu tư để tôn nền và đắp bờ bao khu dân cư có sẵn (gồm vốn ngân sách trung ương cấp và vốn vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2001 và Quyết định số 216/2002/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2002.

2. Cơ chế tài chính:

a) Về vốn tôn nền và đắp bờ bao:

Bộ Tài chính và Quỹ Hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm chuyển đủ vốn cho các địa phương từ nguồn vốn ngân sách

trung ương cấp và vốn vay theo quy định để thực hiện việc tôn nền các cụm, tuyến dân cư và đắp bờ bao.

b) Về vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu xử lý như sau:

- Các tỉnh chủ động bố trí ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu. Trường hợp các địa phương có khó khăn, Bộ Tài chính tăng tiến độ trợ cấp ngân sách theo kế hoạch ngân sách năm cho các tỉnh để thực hiện;

- Ưu tiên sử dụng vốn lồng ghép của các chương trình mục tiêu để đầu tư hạ tầng thiết yếu, nhất là Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đường giao thông nông thôn;

- Cho phép các địa phương được chủ động điều tiết bán 30% nền trên các cụm, tuyến để đầu tư hạ tầng thiết yếu; đồng thời cho phép các tỉnh được áp dụng hình thức nhà thầu ứng trước vốn để thi công;

- Các tỉnh được vay vốn tín dụng nhà nước từ Quỹ Hỗ trợ phát triển để xây dựng hạ tầng thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư. Thời hạn vay tối đa là 24 tháng. Lãi suất cho vay theo quy định hiện hành. Quỹ Hỗ trợ phát triển hướng dẫn các địa phương thực hiện.

c) Về vốn vay làm nhà ở:

- Để đẩy nhanh tiến độ làm nhà ở bán trả chậm cho dân, cho phép Ngân hàng Chính sách xã hội cho các doanh nghiệp vay vốn làm nhà ở bán trả chậm cho dân

thông qua Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp và địa phương. Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ đạo việc hoàn tất thủ tục (bàn giao, nhận nhà, nhận nợ, kế ước...) và hướng dẫn thực hiện.

- Quỹ Hỗ trợ phát triển thực hiện việc cho vay đối với các doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất cấu kiện, vật liệu làm nhà ở bán trả chậm cho dân. Lãi suất cho vay, thời hạn vay theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 128/2002/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp, các dự án đầu tư sản xuất cấu kiện, vật liệu làm nhà ở bằng nguồn vốn vay thương mại đã hoàn thành và đưa vào sản xuất thì Quỹ Hỗ trợ phát triển thực hiện chính sách hỗ trợ sau đầu tư cho các doanh nghiệp.

3. Bộ Tài chính, Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục cụ thể cho các địa phương để thực hiện.

Điều 3. Đối với các Dự án đắp bờ bao khu dân cư có sẵn:

1. Các dự án đắp bờ bao khu dân cư có sẵn thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở, phù hợp với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch kiểm soát lũ của địa phương và của toàn vùng thì được sử dụng không quá 80% số vốn ngân sách trung ương đã phân bổ cho các địa phương theo Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm

2002 của Thủ tướng Chính phủ; số vốn còn lại, các tỉnh phải bố trí ngân sách địa phương và huy động sự đóng góp của các hộ dân được hưởng lợi trong khu vực dự án đắp bờ bao để thực hiện.

2. Các hộ định cư thường trú tại địa phương, hiện tại đang sống rải rác nay di chuyển chỗ ở vào trong các dự án đắp bờ bao khu dân cư có sẵn thì được mua trả chậm nền nhà và nhà ở theo cơ chế, chính sách quy định tại Điều 1 Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Các doanh nghiệp (không phân biệt loại hình doanh nghiệp) đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện, vật liệu làm nhà ở để thực hiện chính sách cho các hộ dân mua trả chậm nhà ở, có đơn đề nghị; đảm bảo về tiêu chuẩn, chất lượng nhà ở (diện tích 32 m², khung bê tông dự ứng lực, tường xây gạch, mái lợp tôn và hồ xí tự hoại) với giá thành không quá 7 triệu đồng/căn và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà máy) xác nhận thì được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Quyết định số 128/2002/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Chỉ đạo thực hiện ngay việc lồng ghép, bố trí vốn từ các chương trình, mục tiêu, nhất là Chương trình nước sạch và

vệ sinh môi trường nông thôn, giao thông nông thôn cho các cụm, tuyến dân cư.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư các dự án có kế hoạch cụ thể, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ (tôn nền, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nhà ở) để bố trí số dân vào ở trong các cụm, tuyến, đê bao theo mục tiêu, kế hoạch đề ra của chương trình, đồng thời chịu trách nhiệm chỉ đạo các chủ đầu tư hoàn tất thủ tục hoàn trả vốn vay theo quy định cho các cơ quan cho vay.

- Phê duyệt danh sách các hộ được mua nhà ở trả chậm theo quy định; khẩn trương xác định yêu cầu về nhà ở, số lượng, chủng loại, vị trí lắp dựng và đất hàng cụ thể với doanh nghiệp sản xuất nhà; đồng thời chỉ đạo thành lập các đội chuyên trách thực hiện việc vận chuyển cấu kiện và lắp dựng nhà ở bán trả chậm cho dân.

- Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp sản xuất cấu kiện, vật liệu làm nhà ở theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các tỉnh xem xét, ưu tiên giải quyết vốn thuộc Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình xây dựng, nâng cấp trường học và Chương trình y tế và các chương trình khác để các địa phương

hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong cụm, tuyến dân cư.

3. Bộ Tài chính, Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để xử lý, giải quyết đủ vốn theo quy định cho chương trình; đồng thời hướng dẫn và giải quyết các thủ tục cần thiết theo quy định tại Quyết định này để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

4. Bộ Xây dựng hướng dẫn các địa phương việc đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu trong cụm, tuyến dân cư; quy cách kỹ thuật đắp bờ bao khu dân cư có sẵn; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương để đảm bảo hoàn thành chương trình đúng tiến độ và hiệu quả, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang và thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 417/QĐ-TTg ngày 07/5/2004 về việc điều chỉnh Dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 1788/BKH-TĐ&GSĐT ngày 30 tháng 3 năm 2004), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 126/CV-BNN-HTQT ngày 30 tháng 01 năm 2004); ý kiến của Ngân